

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1221 / QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Danh mục trang thiết bị, thuốc thiết yếu dùng trong
Phòng y tế học đường của các trường tiểu học, trung học cơ sở,
trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ vào Nghị định số 188/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Y tế dự phòng và Môi trường, Cục trưởng Cục Quản lý dược, Vụ trưởng Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế, Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh - Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục trang thiết bị, thuốc thiết yếu dùng trong Phòng y tế học đường của các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học.

Điều 2. Căn cứ vào Danh mục trang thiết bị, thuốc thiết yếu này, các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học xây dựng danh mục trang thiết bị y tế, thuốc thiết yếu cụ thể dùng trong phòng y tế học đường của đơn vị mình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Y tế dự phòng và Môi trường, Cục trưởng Cục Quản lý dược, Vụ trưởng Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế, Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để phối hợp);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thủ trưởng (để biết);
- Các Vụ, Cục, Văn phòng, Thanh tra Bộ Y tế;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, DPMT, PC.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Trịnh Quân Huân

DANH MỤC

Thuốc thiết yếu cho Phòng y tế học đường của các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1221 / QĐ-BYT ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	TÊN THUỐC	ĐƯỜNG DÙNG, HẠM LƯỢNG, DẠNG BẢO CHẾ	PHÒNG Y TẾ	
			Có BS	Không có BS
DANH MỤC CÁC THUỐC CƠ BẢN CHO PHÒNG Y TẾ				
I. THUỐC CẤP CỨU, GIẢI ĐỘC				
1	Morphin (chlohydrat) dùng cho cấp cứu	tiêm, ống 10mg/ml	x	
2	Adrenalin	tiêm, ống 1mg/ml	x	x
3	Alverin (citrat)	Uống; viên 40 mg, 60 mg	x	x
4	Atropin (sulfat)	Uống; viên 0,25 mg	x	x
		Tiêm; ống 0,25 mg/ml	x	x
5	Depersolon	Tiêm; ống 30 mg/2 ml	x	
6	Papaverin	Uống; viên 40 mg	x	x
7	Methionin	uống, viên 250mg	x	x
8	Than hoạt	uống; bột, viên	x	x
II. THUỐC GIẢM ĐAU, HẠ SỐT				
9	Acid Acetylsalicylic	Uống; viên 100mg, 500mg, gói 100mg	x	x
10	Diclofenac	uống; viên 25mg, 50mg, 75mg, 100mg	x	x
11	Paracetamol	Uống; viên 100mg, 500mg	x	x
		Thuốc đặt, viên đạn 80mg, 150mg, 300mg	x	x
III. THUỐC CHỐNG DỊ ỨNG				
12	Cetirizine	Uống, viên 10mg	x	x
13	Chlopheniramin	Uống; viên 4mg	x	x
IV. THUỐC AN THẦN, CHỐNG ĐỘNG KINH				
14	Phenobarbital	Uống; viên 10mg, 100mg	x	x
V. THUỐC TRỊ KÝ SINH TRÙNG, CHỐNG NHIỄM KHUẨN				
1. Thuốc trị giun sán				
15	Albendazol	Uống; viên 200mg, 400mg	x	x
16	Mebendazol	Uống; viên 100mg, 500mg	x	x
2. Thuốc chống nhiễm khuẩn				
*Các thuốc nhóm beta-lactam				
17	Amoxicilin (hoặc kết hợp với acid clavulanic)	Uống; viên 250mg, 500mg	x	x
		Uống; bột pha hỗn dịch 125mg	x	

TT	TÊN THUỐC	ĐƯỜNG DÙNG, HẠM LƯỢNG, DẠNG BẢO CHẾ	PHÒNG	
			Có BS	Không BS
18	Benzylpenicilin	Tiêm; ống 1 triệu IU, 5 triệu IU	x	x
19	Cephalexin	Uống; viên 125mg, 250mg, 500mg	x	x
		Tiêm; lọ 500mg bột pha tiêm	x	
20	Phenoxymethylpenicilin	Uống; viên 200.000IU, 400.000IU, 1.000.000 IU	x	x
	<i>* Thuốc nhóm aminoglycosid</i>			
21	Gentamycin	Tiêm; ống 40mg, 80mg/2ml	x	
	<i>* Thuốc nhóm chloramphenicol</i>			
22	Chloramphenicol	Uống; viên 250mg	x	x
	<i>* Thuốc nhóm macrolid</i>			
23	Erythromycin	Uống; viên 250mg, 500mg	x	x
	<i>* Thuốc nhóm sulfamid</i>			
24	Sulfadimidin (muối natri)	Uống; viên 500mg	x	x
25	Sulfamethoxazol và trimethoprim	Uống; viên 400mg và 80mg	x	x
	<i>* Thuốc nhóm imidazole</i>			
26	Metronidazol	Uống; viên 250mg, 500mg	x	x
	3. Thuốc chống nấm			
27	Nystatin	Uống; viên 250.000IU, 500.000 IU	x	x
	VI. THUỐC TÁC DỤNG ĐỐI VỚI MÁU			
28	Acid folic	Uống; viên 1mg, 5mg	x	
29	Cyanocobalamin	Tiêm; ống 500mcg, 1000mcg	x	
30	Sắt sulfat (hay oxalat)	Uống; viên 60mg sắt	x	x
31	Sắt sulfat và acid folic	Uống; viên 60mg sắt và 0,25mg acid folic	x	x
32	Phytomenadion (vitamin K1)	Uống; viên 2mg, 5mg, 10mg	x	x
		Tiêm; 5mg/ml, ống 5ml	x	x
	VII. THUỐC NGOÀI DA			
	1. Thuốc chống nấm			
33	Acid benzoic và acid salicylic	Dùng ngoài; kem, mỡ 6%, tuýp 5g, 15g	x	x
34	Cồn A.S.A	Dùng ngoài; lọ 15ml	x	x
35	Cồn BSI	Dùng ngoài; lọ 15ml	x	x
36	Clotrimazol	Dùng ngoài; kem 1%, tuýp 10g, 20g	x	x
	2. Thuốc chống viêm ngứa			
37	Fluocinolol	Dùng ngoài; mỡ 0,025%	x	x
	3. Thuốc trị ghẻ			
38	Benzyl benzoat	Dùng ngoài; dung dịch	x	x
39	Diethylphtalat	Dùng ngoài; dung dịch	x	x
		Dùng ngoài; mỡ, tuýp 5g, 15g	x	x
	4. Thuốc chữa bỏng			
40	Panthenol	Dạng xịt bột	x	x
	VIII. THUỐC KHỬ TRÙNG VÀ TẮY TRÙNG			
41	Cồn 70 độ	Dùng ngoài; lọ 60ml	x	x

TT	TÊN THUỐC	ĐƯỜNG DÙNG, HẸM LƯỢNG, DẠNG BẢO CHẾ	PHÒNG Y	
			Có BS	Không BS
XIV. VITAMIN VÀ CÁC CHẤT VÔ CƠ				
67	Calci gluconat	Uống; ống 10ml, dung dịch 10%	x	x
68	Vitamin A	Uống; viên bọc đường 5.000 IU	x	x
69	Vitamin A và D	Uống; viên 5.000 IU vitamin A và 500IU vitamin D	x	x
70	Vitamin B1	Uống; viên 10mg, 50mg, 100mg	x	x
		Tiêm; ống 25mg, 100mg	x	x
71	Vitamin B 2	Uống; viên 5mg	x	x
72	Vitamin B 6	Uống; viên 25mg, 100mg	x	x
73	Vitamin C	Uống; viên 50mg, 100mg, 500mg	x	x
74	Vitamin PP	Uống; viên 50mg	x	x
CÁC THUỐC CÓ THỂ BỔ SUNG TÙY THEO QUY MÔ CỦA PHÒNG Y TẾ				
I. THUỐC GÂY TÊ				
75	Lidocain (hydroclorid)	dd tiêm 1%, 2%; ống 5 ml	x	
76	Procain (hydroclorid)	dd tiêm, 1%, 3%, 5%; ống 1 ml	x	
II. THUỐC GIẢM ĐAU NHÓM CHỐNG VIÊM KHÔNG STEROIDE				
77	Piroxicam	Uống; viên 10mg, 20mg	x	x
78	Colchicin	Uống; viên 1mg	x	
III. THUỐC TRỊ KÝ SINH TRÙNG, CHỐNG NHIỄM KHUẨN				
1. Thuốc trị giun sán				
79	Niclosamid	Uống; viên 500mg	x	x
2. Thuốc chống nhiễm khuẩn				
80	Benzathin benzylpenicilin	Tiêm; lọ 600.000 IU, 1.200.000 IU, 2.400.000 IU	x	
81	Cefaclor	Uống; viên 250, 500mg	x	
82	Cloxacilin	Uống; viên 250mg, 500mg	x	x
		Tiêm; lọ 500mg bột pha tiêm	x	
3. Thuốc chống nấm				
83	Griseofulvin	Uống; viên 250mg, 500mg	x	
84	Ketoconazol	Uống; viên 200mg	x	
4. Thuốc điều trị bệnh sốt rét				
* Thuốc phòng bệnh				
85	Cloroquin	Uống; viên 100mg, 250mg	x	
* Thuốc chữa bệnh				
86	Artemisinin	Uống; viên 250mg	x	
87	Artesunat	Uống; viên 50mg, 100mg	x	
88	Cloroquin	Uống; viên 100mg, 250mg	x	
89	Primaquin	Uống; viên 7,5mg, 15mg	x	
90	Quinin dihydroclorid	Tiêm; 150mg/ml, ống 2ml	x	
91	Quinin sulfat	Uống; viên 300mg	x	
IV. THUỐC ĐIỀU TRỊ ĐAU NỬA ĐẦU				
92	Ergotamin (tartrat)	Uống; viên 1mg	x	

TT	TÊN THUỐC	ĐƯỜNG DÙNG, HẠM LƯỢNG, DẠNG BẢO CHẾ	PHÒNG Y TẾ	
			Có BS	Không có BS
42	Cồn iod	Dùng ngoài; dung dịch 2,5%, lọ 15ml	x	x
43	Nước oxy già	Dùng ngoài; dung dịch 3%, lọ 15ml, 60ml	x	x
44	Povidon iod	Dùng ngoài; dung dịch 10%, lọ 15ml	x	x
IX. THUỐC ĐƯỜNG TIÊU HÓA				
1. Thuốc tẩy, nhuận tràng				
45	Bisacodyl	Uống; viên 5mg, 10mg	x	x
46	Magnesi sulfat	Uống; gói bột 5 g	x	x
2. Thuốc tiêu chảy				
47	Oresol	Uống; gói bột 27,9 g	x	x
48	Atapulgit	Gói bột 3 g	x	x
49	Berberin (hydroclorid)	Uống; viên 10 mg	x	x
50	Loperamid	Uống; viên 2mg	x	x
X. SINH PHẨM MIỄN DỊCH				
51	Huyết thanh kháng uốn ván	Tiêm; ống 1.500 IU/ml	x	x
XI. THUỐC DÙNG CHO MẮT, TAI MŨI HỌNG				
1. Thuốc chống nhiễm khuẩn, kháng virrut				
52	Argyrol	Nhỏ mắt; dung dịch 3%	x	x
53	Cloramphenicol	Nhỏ mắt; dung dịch 0,4%, lọ 10ml	x	x
54	Gentamicin	Nhỏ mắt; dung dịch 0,3%, lọ 5ml	x	x
55	Neomycin (sulfat)	Nhỏ mắt; dung dịch 0,5%, lọ 5ml	x	x
56	Tetracyclin (hydroclorid)	Tra mắt; mỡ 1%, tuýp 5g, 10g	x	x
2. Thuốc tai, mũi, họng				
57	Naphazolin	Nhỏ mũi; dung dịch 0,05%, lọ 10ml	x	x
58	Neomycin (sulfat)	Dùng ngoài; dung dịch 0,5%	x	x
59	Natri clorid	Nhỏ mắt; dung dịch 0,9%	x	x
60	Sulfarin	Nhỏ mũi; dung dịch	x	x
XII. THUỐC TÁC DỤNG TRÊN ĐƯỜNG HÔ HẤP				
1. Thuốc chữa hen				
61	Salbutamol	Uống; viên 2mg, 4mg Đường hô hấp, hộp 0,1mg/liều	x	x
2. Thuốc chữa ho				
62	Acetylcystein	Uống; viên 100mg, 200mg Uống; gói 200mg bột pha hỗn dịch	x	x
63	Dextromethorphan	Uống; viên 15mg	x	x
XIII. DUNG DỊCH ĐIỀU CHỈNH NƯỚC ĐIỆN GIẢI VÀ CÂN BẰNG ACID-BASE				
64	Oresol	Uống; gói bột 27,9 g	x	x
65	Kali clorid	Uống; viên 600mg	x	x
66	Nước cất pha tiêm	Tiêm; ống 2ml, 5ml, 10ml	x	x

TT	TÊN THUỐC	ĐƯỜNG DÙNG, HẠM LƯỢNG, DẠNG BẢO CHẾ	PHÒNG Y TẾ	
			Có BS	Không có BS
	V. THUỐC LỢI TIỂU			
93	Furosemid	Uống; viên 20mg, 40mg	x	
		Dùng cho cấp cứu: Tiêm, ống 20mg/2ml	x	
94	Hydroclorothiazid	Uống; viên 6,25mg, 25mg, 50mg	x	x
	VI. THUỐC TIM MẠCH			
	1. Thuốc chống đau thắt ngực			
95	Atenolol	Uống; viên 50mg, 100mg	x	
96	Glyceril trinitrat	Uống; viên 2mg, 2,5mg, 3mg, 5mg	x	
		Ngậm dưới lưỡi; viên 0,5mg		
	2. Thuốc chống loạn nhịp			
97	Atenolol	Uống; viên 50mg, 100mg	x	
98	Propanolol (hydroclorid)	Uống; viên 40mg	x	
	3. Thuốc điều trị tăng huyết áp			
99	Captopril	Uống; viên 25mg, 50mg	x	
100	Enalapril	Uống; viên 5mg, 20mg	x	
101	Methyldopa	Uống; viên 250mg	x	
102	Nifedipin	Uống; viên 5mg, 10mg	x	
		Uống; viên tác dụng chậm 20mg	x	
	VII. THUỐC NGOÀI DA			
103	Ketoconazol	Dùng ngoài; kem 2%, tuýp 15g	x	x
104	Miconazol	Dùng ngoài; kem 2%, tuýp 10g	x	x
105	Neomycin và bacitracin	Dùng ngoài; kem 5mg neomycin và 500IU bacitracin	x	x
106	Hydrocortison (acetat)	Dùng ngoài; mỡ 1%	x	x
	VIII. THUỐC ĐƯỜNG TIÊU HÓA			
	Thuốc chống loét dạ dày, tá tràng			
107	Cimetidin	Uống; viên 200mg, 400mg	x	x
108	Omeprazole	Uống; viên 20mg	x	
109	Magnesi hydroxyd và nhôm hydroxyd	Uống; hỗn dịch chứa 550mg magne oxide/10ml và 320mg nhôm oxide/5ml	x	x
	IX. HORMON, NỘI TIẾT TỔ			
	Hormon thượng thận và những chất tổng hợp thay thế			
110	Dexamethason (natri phosphat)	Uống; viên 0,5 mg, 1 mg	x	
111	Prednisolon	Uống; viên 1 mg, 5 mg	x	
	X. THUỐC CHỐNG RỐI LOẠN TÂM THẦN			
112	Haloperidol	Uống; viên 1mg, 5mg	x	
	XI. DUNG DỊCH ĐIỀU CHỈNH NƯỚC ĐIỆN GIẢI VÀ CÂN BẰNG ACID-BASE			
113	Dung dịch glucose	Tiêm; ống 20ml, dung dịch 5% và 30%	x	

TT	TÊN THUỐC	ĐƯỜNG DÙNG, HẠM LƯỢNG, DẠNG BẢO CHẾ	PHÒNG	
			Có BS	Không BS
		Tiêm truyền; Chai 250ml, 500ml, dung dịch 5% và 30%	x	
114	Dung dịch ringer lactat	Tiêm truyền; Chai 250ml, 500ml	x	
115	Natri clorid	Tiêm truyền; Chai 500ml, dung dịch 0,9%	x	

KL BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Trịnh Quân Huân

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC

Trang thiết bị cho Phòng y tế học đường của các trường tiểu học,
trung học cơ sở, trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1221 / QĐ-BYT ngày 07 tháng 4 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
I. TRANG THIẾT BỊ CƠ BẢN CHO PHÒNG Y TẾ			
1	Giường bệnh nhân	cái	1 - 5
2	Tủ đầu giường	cái	1 - 5
3	Bàn khám bệnh	cái	1
4	Đèn khám bệnh	cái	1 - 2
5	Huyết áp kế người lớn và trẻ em	cái	2
6	Ống nghe bệnh	cái	1 - 2
7	Nhiệt kế y học 42°C	cái	5
8	Cân trọng lượng 120kg có thước đo chiều cao	cái	1
9	Thước dây 1,5 mét	cái	1
10	Bàn để dụng cụ	cái	2
11	Găng tay y tế	đôi	50 - 100
12	Cồn iode 0,5% - 100ml	lọ	1
13	Xà phòng rửa tay	bánh	1
14	Cồn sát trùng 70 độ - 60ml	lọ	5
15	Bàn, ghế làm việc	bộ	1 - 4
16	Tủ lạnh 120 lít	cái	1
17	Ghế tựa	cái	2 - 4
18	Tủ đựng hồ sơ	cái	1
19	Bảng viết	cái	1
20	Bếp điện	cái	1
21	Lò sưởi điện	cái	1
22	Nồi luộc dụng cụ diệt khuẩn	cái	1
23	Lò hấp khô	cái	1
24	Kệ dụng cụ hấp sấy	cái	1
25	Thùng đựng nước có vòi	cái	1
26	Hộp hủy kim tiêm an toàn	cái	1
27	Chậu rửa inox	cái	1
28	Thùng đựng rác có nắp	cái	1
29	Các bộ nẹp chân, tay	cái	1
30	Garô cho tiêm truyền và garô cầm máu	bộ	5
31	Bóng, gạc y tế	cái	5 - 10
		gói	20

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
32	Cánh tay	cái	1
33	Băng vết thương y tế	cuộn	10
34	Tủ đựng thuốc và dụng cụ theo quy định	cái	1
35	Bom tiêm nhựa dùng 1 lần, các loại 5ml, 10 ml	cái	50
36	Túi chườm nóng lạnh	cái	1 - 2
37	Khay đựng dụng cụ nông	cái	1 - 2
38	Kẹp lấy dị vật trong mắt	cái	2
39	Bảng thử thị lực	cái	1
40	Đèn pin, pin	cái	1 - 2
41	Đẻ lưỡi bằng gỗ hoặc inox	cái	20
42	Bộ khám răng (khay quả đậu, gương, gắp ...)	bộ	1 - 2
43	Bảng dính y tế	cuộn	2
44	Sonde hậu môn	cái	1
45	Bộ tròn	cái	1 - 2
46	Vật dãi nữ	cái	1 - 2
47	Vật dãi nam	cái	1 - 2
II. TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CÓ THỂ BỔ SUNG TÙY QUY MÔ CỦA PHÒNG Y TẾ			
	Hồi sức cấp cứu		
48	Bộ dụng cụ rửa dạ dày	bộ	1
49	Bóc tháo thun, dây dẫn	cái	1
50	Bộ bóp bóng hồi sức	bộ	1
	Nội Khoa		
51	Khay quả đậu 475ml thép không gỉ	cái	1 - 2
52	Hộp hấp bông gạc hình trống	cái	1 - 2
53	Hộp hấp dụng cụ có nắp	cái	1 - 2
54	Cốc đựng dung dịch 500ml có chia độ	cái	1 - 2
	Ngoại khoa		
55	Kẹp phẫu tích không mẫu	cái	1 - 2
56	Kẹp Korchơ có mẫu và khoá hãm	cái	1 - 2
57	Kéo thẳng tù 145mm	cái	1 - 2
58	Kéo cong nhọn/nhọn 145mm	cái	1 - 2
59	Cán dao số 4	cái	1 - 2
60	Lưỡi dao mổ số 21 - hộp 5 lưỡi	hộp	1 - 2
61	Kéo cắt bông gạc	cái	1 - 2
62	Kẹp kim Mayo 200mm	cái	1 - 2
63	Chỉ lín khâu ngoại khoa	cuộn	1 - 2
64	Kim khâu da ngoại khoa	chiếc	5 - 10
	Mắt		
65	Kính lúp 2 mắt	cái	1
66	Bảng đo thị lực	cái	1
67	Bộ thử thị giác mẫu	bộ	1
	Tai - Mũi - Họng		
68	Kẹp dùng cho khám tai mũi họng	cái	1 - 2
69	Máy khí dung	cái	1
	Răng hàm mất		

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
70	Ghế răng đơn giản		
71	Kim nhổ răng trẻ em (cho trường hợp nhổ đơn giản)	cái	1
72	Bộ lấy cao răng bằng tay	cái	2
73	Bộ dụng cụ hàn sâu răng ngà đơn giản	bộ	1 - 2
		bộ	1 - 2
III. TÚI Y TẾ CƠ ĐỘNG			
74	Nhiệt kế y học 42°C	cái	1
75	Bơm tiêm nhựa dùng 1 lần, các loại 5ml, 10 ml	cái	3
76	Đèn lưỡi bằng gỗ hoặc inox	cái	3
77	Đèn pin, pin	cái	1
78	Bông, gạc y tế	gói	2
79	Băng vết thương y tế	cuộn	2
80	Các bộ nẹp chân, tay	bộ	2
81	Kẹp phẫu tích không máu	cái	1
82	Kéo thẳng tù 145mm	cái	1
83	Túi đựng dụng cụ, cổ ngăn và dây đeo	cái	1
84	Túi y tế	cái	1

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Trịnh Quán Huân